

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/DS-ST
Ngày: 22/9/2017
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Chung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thanh.
Ông Lê Đình Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh
Linh, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc
tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
04/2017/QĐXX - ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Thái Minh H** – sinh năm 1979.

Chị **Dương Thị Thanh Ph** – sinh năm 1990.

Đều trú tại: A D Đ 1, V T, V L, Quảng Trị. Đều có mặt.

Bị đơn: Anh **Hoàng Minh Th** – sinh năm 1985. Vắng mặt có lý do

Chị **Nguyễn Thị Ngọc Nh** - sinh năm 1987. Có mặt.

Đều trú tại: C M, V G, VL, Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Thái Minh H và chị Dương
Thị Thanh Ph trình bày: Vào ngày 13 tháng 01 năm 2016 vợ chồng anh H chị Ph có cho vợ
chồng anh Th, chị Nh vay số tiền 90.000.000đ. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất vay 1%/
tháng. Đến hạn chị Nh và anh Th không trả, vợ chồng chị Ph nhiều lần gặp vợ chồng anh
Th để đòi lại số tiền đã cho vay nhưng anh Th và chị Nh không trả 01 lần mà trả thành
nhiều lần. Tổng cộng anh Th và chị Nh đã trả cho vợ chồng anh H chị Ph số tiền
44.000.000đ. Số tiền còn lại 46.000.000đ anh Th chị Nh chưa trả cho anh H chị Ph. Nay
anh H chị Ph yêu cầu anh Th và chị Nh trả số tiền gốc còn nợ là 46.000.000đ và tiền lãi
tính đến tháng 5 năm 2017 là 18.330.000đ. Tổng cộng số tiền anh Th và chị Nh phải trả
cho nguyên đơn **64.330.000đ** (Sáu mươi tư triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Nh trình bày:
Tháng 01 năm 2016 chị Nh và anh Th có vay số tiền 90.000.000đ của vợ chồng chị Ph anh
H, đến hạn vợ chồng chị không trả được, đến tháng 4/2016 chị trả 3.000.000đ và tháng
6/2016 anh Thanh trả 1.000.000đ. Sau đó vợ chồng chị Nh xảy ra mâu thuẫn, anh H có biết
nên tháng ngày 23/ 9/ 2016 tại Trường Tiểu học Vĩnh Thạch giữa chị Nh và anh H đã lập
biên bản việc trả nợ có điều kiện đó là: Chị Nh trả phần của chị Nh đã vay trong số tiền còn
lại 86.000.000đ là 40.000.000đ, căn cứ vào giấy thỏa thuận trả nợ nói trên của anh H sau

này nếu vợ chồng chị Nhớ ly hôn số tiền còn lại 46.000.000đ anh Th có nghĩa vụ trả (Biên bản do anh H tự viết có sự chứng kiến của Hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn nhà trường). Đến tháng 5 năm 2017 chị Nh và anh Th đã ly hôn quyết định số: 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/05/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh. Anh Th và chị Nh đã lập biên bản thỏa thuận giao cho anh Th trả tiếp số tiền còn lại 46.000.000đ cho vợ chồng anh H. Nay anh H chị Ph yêu cầu chị Nh và anh Th phải trả số nợ cả gốc và lãi là 64.330.000đ (46.000.000đ tiền gốc và 18.330.000đ tiền lãi) chị Nh không đồng ý với lý do văn bản thỏa thuận trả nợ giữa chị và anh H đã phát sinh hiệu lực

Tại các bản tự khai và đơn xin vắng mặt của anh Hoàng Minh Th trình bày: Anh thừa nhận năm 2016 vợ chồng anh có vay khoản nợ 90.000.000đ nói trên của vợ chồng anh H, chị Ph nhưng do do khó khăn, nên không trả được theo thỏa thuận. khi vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn thì chỉ mới trả được 4.000.000đ còn lại 86.000.000đ vài lãi. Tháng 5/2017 khi vợ chồng ly hôn anh biết chị Nh đã trả 40.000.000đ và có thỏa thuận với vợ chồng anh H nên anh và chị Nh đã tự lập biên bản thỏa thuận về việc: nghĩa vụ trả các khoản nợ vay. Trong đó có 46.000.000đ vay của anh H và chị Ph là anh chịu trách nhiệm trả. Nay trước Tòa anh cũng đồng ý sẽ trả khoản nợ gốc và lãi phát sinh nói trên theo yêu cầu của anh H, chị Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

1.1 Quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Anh Hoàng Minh Th là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án, anh Th đã có bản tự khai và đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Hoàng Minh Th theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

2.1 Căn cứ vào giấy vay nợ giữa anh Th chị Nh và anh H chị Ph lập ngày ngày 13/01/2016. Sau khi trừ đi các khoản nợ đã trả thì vợ chồng anh H, chị Ph kiện yêu cầu tiếp thực hiện hợp đồng với khoản nợ gốc 46.000.000đ và 18.330.000đ tiền lãi là đúng.

Trên cơ sở giấy thỏa thuận trả nợ giữa anh H và chị Nh lập ngày 23/9/2016 tại trường Tiểu học Vĩnh Thạch, HĐXX thấy: Đây là hợp đồng về việc trả nợ có điều kiện giữa chị Nh và anh H “*Chị Nhớ trả nợ 40.000.000đ của phần chị, sau này nếu vợ chồng chị Nh và anh Th ly hôn thì nguyên đơn (Anh H) không đòi nợ chị Nh trả phần còn lại*” Biên bản này được anh H tự viết ra hoàn toàn tự nguyện, có sự chứng kiến của Chủ tịch công đoàn và Hiệu trưởng nhà trường nơi chị Nh và anh H công tác. Tại Tòa vợ chồng anh H yêu cầu hủy phần thỏa thuận nêu trên là không có căn cứ, vì đó là hai vế của một vấn đề không thể tách rời. Đối với chị Ph, Chị cho rằng chị biết việc anh H đã lấy nợ ở chị Nh nhưng không biết việc anh thỏa thuận với chị Nh. Nhưng khi Tòa án thông báo cũng như công khai chứng cứ thì chị đã biết và không có ý kiến gì về việc thỏa thuận giữa anh H và chị Nh ngày 23/9/2016 và anh H đã nhận tiền. Đến tháng 5/2017 chị Nh ly hôn anh Th (Có quyết định Tòa án Vĩnh Linh ngày 11/05/2017). Vì vậy, vợ chồng anh H kiện đòi chị Nh phải có trách nhiệm trả nợ là không đúng. Mà anh chị chỉ kiện đòi ở anh Th. Mặt khác: Trên cơ sở giấy thỏa thuận trả nợ trên (24/5/2017) có xác nhận của chính quyền địa phương, khi ly hôn chị Nhớ, anh Th đã tự nguyện lập biên bản phân chia nghĩa vụ trả nợ, lãi phát sinh nói trên cho anh Th. Trước Tòa anh Th cũng đã có biên bản đồng ý không

khước từ nghĩa vụ trả nợ nói trên. Từ những nhận định trên HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh H, chị Ph yêu cầu chị Nh có nghĩa vụ liên đới trả số tiền cả gốc và lãi 64.330.000đ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H chị Ph buộc anh Th phải trả số tiền 64.330.000đ (Trong đó 46.000.000đ tiền gốc và 18.330.000đ tiền lãi).

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của anh H, chị Ph được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu án phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Thái Minh H và chị Dương Thị Thanh Ph.

2. Buộc anh Hoàng Minh Th có nghĩa vụ trả cho anh H, chị Ph số tiền là 64.330.000đ (Sáu mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng). Trong đó 46.000.000đ tiền gốc và lãi tính đến tháng 5/2017 là 18.330.000đ.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Minh Th phải chịu 3.216.000đ (Ba triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Dương Thị Thanh Ph và anh Thái Minh H số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là: 1.608.000đ (Một triệu sáu trăm lẻ tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005904 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh.

2. Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc Nh có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Hoàng Minh Th vắng tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Vĩnh Linh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Linh;
- Các đương sự
- Lưu: HS,

Hoàng Văn Chung